TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Họ c Kỳ 3 - Nă m Họ c 11-12
Chương trình đào tạo ngành Cao Đẳng kế toán (CD09CA)
Kè m Theo Quyế t Đị nh Ký ngà y

Số Tí n Chỉ Tí ch Lũ y Chung 107
Điể m Trung Bì nh Tí ch Lũ y 2.00

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	Ph	Ngà y sinh	Nơi sinh	DT	ĐTS	ĐT	Số hi
1	09363014	LÊ THỊ ANH	CD09CA	Nữ	21/07/91	Đồ ng Nai	01	1100		
2	09363017	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	CD09CA	Nữ	16/09/91	Nghệ An	01	1100		
3	09363032	NGUYỄN PHÚ CHÂU	CD09CA		07/11/91	Quả ng Bì nh	01	1150		
4	09363034	PHẠM THỊ KIM CHI	CD09CA	Nữ	16/02/91	Bế n Tre	01	1100		
5	09363054	BÙI THỊ GIANG	CD09CA	Nữ	20/10/90	Ninh Bì nh	01	1100		
6	09363055	ĐỖ THỊ GIANG	CD09CA	Nữ	29/06/90	Nam Đị nh	01	1200		
7	09363058	TRẦN THỊ NGỌC GIÀU	CD09CA		19/06/91	Trà Vinh	01			
8	09363065	NGUYỄN LÊ HOÀNG HẢI	CD09CA		20/08/91	An Giang	01	1200		
9	09363070	LÊ THỊ THÚY HẰNG	CD09CA	Nữ	26/05/90	Lâ m Đồ ng	01	1050		
10	09363275	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	CD09CA	Nữ	12/03/91	Ninh Thuậ n	01	1400		
11	09363072	VĂN THỊ THU HẰNG	CD09CA	Nữ	27/06/91	Bì nh Đị nh	01	1100		
12	09363073	VÕ THỊ THÚY HẰNG	CD09CA	Nữ	03/03/91	Bì nh Thuậ n	01	1150		
13	09363080	TRẦN THỊ HOAN	CD09CA	Nữ	16/03/91	Hả i Dương	01	1200	06	
14	09363081	TRỊNH THỊ MỸ HOÀN	CD09CA	Nữ	01/08/91	ĐakLak	01	1100		
15	09363101	PHẠM THỊ THANH LAN	CD09CA	Nữ	09/09/91	Cầ n Thơ	01	1200		
16	09363105	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	CD09CA	Nữ	08/02/91	Bì nh Thuậ n	01	1100		
17	09363106	NGUYỄN THỊ BÉ LIỄU	CD09CA	Nữ	25/05/91	Quả ng Nam	01	1050		
18	09363112	LÊ THỊ MỸ LINH	CD09CA	Nữ	16/02/91	Sô ng Bé	01	1150		
19	09363115	PHẠM THANH LONG	CD09CA		17/10/91	Thá i Bì nh	01	1300		
20	09363131	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	CD09CA	Nữ	22/03/91	TP.Hồ Chí Minh	01	1200		
21	09363135	TRẦN THỊ NHẪN	CD09CA	Nữ	12/04/91	Vũ ng Tà u	01	1150		
22	09363137	BÙI THỊ CẨM NHUNG	CD09CA	Nữ	28/05/91	TP.Hồ Chí Minh	01	1200		
23	09363150	LÊ LAN PHƯƠNG	CD09CA	Nữ	15/06/90	Bạ c Liê u	01	1200		
24	09363153	TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG	CD09CA	Nữ	04/04/91	Gia Lai	01	1050		
25	09363161	NGUYỄN THỊ KIM QUYÊN	CD09CA	Nữ	11/06/90	Long An	01	1200		
26	09363162	NGUYỄN THỊ LAN QUYÊN	CD09CA	Nữ	28/02/91	Phú Yê n	01	1100		
27	09363163	NGUYỄN YẾN QUYÊN	CD09CA	Nữ	06/10/91	Bì nh Đị nh	01	1100		
28	09363164	PHẠM HOÀNG LỆ QUYÊN	CD09CA	Nữ	06/03/90	Đồ ng Nai	01	1100		
29	09363181	PHẠM THỊ THẢO	CD09CA	Nữ	22/07/91	Thừ a Thiê n Huế	01	1300		
30	09363188	BÙI THỊ MINH THI	CD09CA	Nữ	02/06/91	Bì nh Đị nh	01	1250		
31	09363191	HÀN NHƯ THIỆN	CD09CA	Nữ	24/11/91	Bì nh Đị nh	01	1200		
32	09363193	SIÊU THỊ KIM THOA	CD09CA	Nữ	31/07/91	Đồ ng Nai	01	1100		
33	09363203	GIANG THỊ HỒNG THỦY	CD09CA	Nữ	27/01/91	Trà Vinh	01	1100		
34	09363207	PHẠM THỊ THU THỦY	CD09CA	Nữ	01/01/91	Đồ ng Nai	01	1050		
35	09363216	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	CD09CA	Nữ	28/04/91	Nghệ An	01	1150		
36	09363227	PHẠM THỊ THÙY TRANG	CD09CA	Nữ	15/07/91	Đồ ng Nai	01	1100		
37	09363232	PHẠM ĐỖ BÍCH TRÂM	CD09CA	Nữ	20/03/91	Ninh Thuậ n	01	1300		
38	09363255	NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	CD09CA	Nữ	25/07/91	Thá i Bì nh	01	1200		

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	Ph	Ngà y sinh	Nơi sinh	DT	ĐTS	ĐT	Số hi
39	09363265	LÊ THỊ XUÂN	CD09CA	Nữ	04/08/91	Đak Lak	01	1150		
40	09363272	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	CD09CA	Nữ	30/08/91	Tâ y Ninh	01	0950	06	

In Ngà y 22/10/12

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D7080B1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Họ c Kỳ 3 - Nă m Họ c 11-12

Chương trình đào tạo ngành Cao Đẳng kế toán (CD09CA)

Số Tí n Chỉ Tí ch Lũ y Chung 107
Điể m Trung Bì nh Tí ch Lũ y 2.00

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	09363009	CAO THỊ THÚY AN	CD09CA	103	2.01	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	2.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
2	09363010	ĐOÀN TRƯỜNG AN	CD09CA	105	2.02	202622	Phá p luậ t đạ i cương	2		111	3.5
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		102	2.5
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		102	1.0
3	09363015	NGUYỄN HOÀNG ANH	CD09CA	113	2.63		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
4	09363018	NGUYỄN THÚY QUỲNH ANH	CD09CA	104	2.47	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
5	09363021	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	CD09CA	100	2.20	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
6	09363024	TRẦN NỮ KIỀU BẠCH	CD09CA	95	1.67	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208335	Kế toá n quả n trị	3		111	2.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
7	09363022	NGUYỄN QUỐC BẢO	CD09CA	81	1.64	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		112	2.3

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	V
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	2.9
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
8	09363023	TRẦN THÁI BẢO	CD09CA	96	2.14	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
9	09363026	LÊ VĂN BẮC	CD09CA	90	1.64	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	1.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	2.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5		112	3.2
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
10	09363025	HUỲNH THỊ KIM BẰNG	CD09CA	104	2.54	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
11	09363028	PHAN THỊ NGỌC BÍCH	CD09CA	99	2.08	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
12	09363027	PHAN THỊ NGỌC BIỂN	CD09CA	96	2.24	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	3.0
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
13	09363029	NGUYỄN THỊ BÚP	CD09CA	84	1.50	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	1.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		113	1.7
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.7
						208376	Kế toá n chi phí	3		111	3.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
14	09363030	TRƯƠNG THỊ MỘNG CẦM	CD09CA	105	2.33	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
15	09363031	LÊ THỊ HỒNG CHÂU	CD09CA	90	2.42	208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
16	09363033	NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU	CD09CA	98	1.52	202115	Toá n cao cấ p C2	3		112	3.8
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	1.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
17	09363036	BÙI THỊ XUÂN DIỄM	CD09CA	95	1.52	202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		111	3.5
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
18	09363038	PHẠM THỊ NHẬT DIỄM	CD09CA	92	1.82	208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3		092	1.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	3.0
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
19	09363039	CAO XUÂN DIỆU	CD09CA	115	2.42	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
20	09363040	HUỲNH THỊ MỸ DIỆU	CD09CA	93	1.50	208335	Kế toá n quả n trị	3		102	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.9
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
21	09363041	LÊ THỊ XUÂN DIỆU	CD09CA	104	2.62		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
22	09363042	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	CD09CA	107	2.37	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
23	09363043	QUÁCH THỊ DUNG	CD09CA	102	2.08	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
24	09363047	HỒ THỊ DỤNG	CD09CA	108	2.57	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
25	09363046	VÕ THỊ DUYÊN	CD09CA	94	1.76	202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		092	2.9
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		111	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
26	09363048	LÊ THỊ ANH ĐÀO	CD09CA	104	2.01	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	3.2

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.6
27	09363049	ĐỖ THỊ THANH ĐỆ	CD09CA	102	2.09	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
28	09363050	LÊ THỊ NGỌC ĐIỆP	CD09CA	80	1.20	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		102	0.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		113	3.4
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.4
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
29	09363053	CAO THỊ DIỆU ĐỨC	CD09CA	98	1.89	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
30	09363063	PHẠM THỊ THU HÀ	CD09CA	105	2.21	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.4
31	09363066	BÙI THỊ HỒNG HẠNH	CD09CA	98	1.94	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	1.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	2.9
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
32	09363067	CHU THỊ HỒNG HẠNH	CD09CA	113	2.22	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
33	09363071	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	CD09CA	92	2.04	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.9
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
34	07123061	LÊ PHƯỚC HẬU	CD09CA	51	0.95	200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						202114	Toá n cao cấ p C1	3			
						202115	Toá n cao cấ p C2	3			
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3			
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	3.0
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3		102	3.0
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3		112	V
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		092	0.5
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		111	2.5
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2		112	V
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		112	
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		101	2.6
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2		112	V
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
35	09363074	LÊ THỊ HẬU	CD09CA	106	2.77	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.9
36	09363075	ĐÀM THỊ HIỀN	CD09CA	101	3.14	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
37	09363077	NGUYỄN THỊ HIẾU	CD09CA	111	2.53	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
38	09363088	TRỊNH THANH HÙNG	CD09CA	86	1.66	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		102	0.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	1.8
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
39	09363085	HUỲNH THANH HUYỀN	CD09CA	29	0.68	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3		092	3.0
						200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2		111	V
						202114	Toá n cao cấ p C1	3		091	3.9
						202115	Toá n cao cấ p C2	3		091	3.1
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		101	2.8
						202622	Phá p luậ t đạ i cương	2			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	2.8
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		102	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2			
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		092	3.0
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2		101	2.2
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		102	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		111	V
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2		102	3.5
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
40	09363089	HỒ NGỌC HƯƠNG	CD09CA	91	1.71	202115	Toá n cao cấ p C2	3		113	3.2
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	1.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		112	3.9
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	1.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.4
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
41	09363091	NGÔ THỊ XUÂN HƯƠNG	CD09CA	97	2.07	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	2.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
42	09363093	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	CD09CA	88	1.61	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	1.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		111	2.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.6
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
43	09363094	VƯƠNG THỊ HƯƠNG	CD09CA	73	1.52	202114	Toá n cao cấ p C1	3		091	1.5
						202115	Toá n cao cấ p C2	3		091	3.7
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1		092	
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2		101	
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	2.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		111	1.0
						208376	Kế toá n chi phí	3		111	3.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
44	09363096	VÕ THỊ KIM KHÁNH	CD09CA	106	2.39	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		111	2.0
45	09363097	DƯƠNG THÚY KIỀU	CD09CA	104	1.84	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
46	09363107	BÙI THỊ MỸ LINH	CD09CA	106	2.30	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
47	09363108	ĐÀO THỊ PHI LINH	CD09CA	101	1.97	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
48	09363109	HÀNG BÁ LINH	CD09CA	49	1.05	200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2		111	V
						202114	Toá n cao cấ p C1	3		091	3.7
						202115	Toá n cao cấ p C2	3		091	3.0
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		092	V
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3		101	1.0
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	V
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		102	2.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		111	V
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3		111	V
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
49	09363113	NGUYỄN NGỌC MỸ LINH	CD09CA	76	1.71	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	2.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208335	Kế toá n quả n trị	3		112	2.1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						208376	Kế toá n chi phí	3		112	2.8
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
50	09363119	NGUYỄN THỊ MAI	CD09CA	97	1.62	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	1.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		101	0.1
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
51	09363121	LÂM THỊ TRÀ MY	CD09CA	110	2.37		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
52	09363124	NGUYỄN THỊ NGA	CD09CA	104	2.36	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
53	09363125	HUỲNH BỘI TUYẾT NGÂN	CD09CA	111	2.44	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
54	09363126	HUỲNH HẠNH NGÂN	CD09CA	89	1.73	208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.1
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.4
						208376	Kế toá n chi phí	3		112	2.9
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
55	09363127	LÂM TÚ NGÂN	CD09CA	83	1.48	202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		102	3.3
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		111	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	V
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	V
						208376	Kế toá n chi phí	3		112	
						213602	Anh vă n 2	5		112	V
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
56	09363128	LÊ THỊ THÚY NGÂN	CD09CA	102	1.90	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	3.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
57	09363129	PHẠM THỊ NGÂN	CD09CA	95	1.81	208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.1
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	3.3
						213602	Anh vă n 2	5		112	3.7
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
58	09143021	NGUYỄN HỮU NGHĨA	CD09CA	43	1.08	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3			
						200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						202114	Toá n cao cấ p C1	3		091	2.2
						202115	Toá n cao cấ p C2	3		093	3.8
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		103	2.2
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		101	V
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	V
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2		111	V
						208335	Kế toá n quả n trị	3		111	V
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2		102	3.0
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
59	09363132	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	CD09CA	105	2.56	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	3.0
60	09363134	BÙI THỊ NHANH	CD09CA	93	2.06	208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.5
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	2.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
61	09363138	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD09CA	103	1.75	200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2		111	3.2
						202114	Toá n cao cấ p C1	3		091	3.6
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	3.0
62	09363140	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	CD09CA	101	2.26	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
63	09363141	TRƯƠNG THỊ NHUNG	CD09CA	107	2.38	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
64	09363143	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	CD09CA	96	1.96	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	3.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.1
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	3.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
65	09363144	BÙI PHẠM NGỌC NỮ	CD09CA	104	2.15	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	1.0
66	09363148	HỒ HỮU PHÚC	CD09CA	89	1.77	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	2.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		102	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.4
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
67	09363149	CAO THỊ MAI PHƯƠNG	CD09CA	95	1.87	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		111	2.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		111	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	3.0
						208376	Kế toá n chi phí	3			
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
68	09363152	NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG	CD09CA	105	2.39	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	2.0
69	09363154	VÕ THỊ BÍCH PHƯƠNG	CD09CA	90	1.62	208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.1
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	2.0
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
70	09363156	LÊ THỊ NHƯ PHƯỢNG	CD09CA	109	2.42	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
71	09363158	TRẦN THỊ PHƯỢNG	CD09CA	108	2.78	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
72	09363159	NGUYỄN MINH QUÂN	CD09CA	67	1.45	202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		111	2.0
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	0.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		112	2.1
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2		113	2.8

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	1.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	1.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.4
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
73	09363165	CAO VĂN QUỲNH	CD09CA	104	1.92	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
74	09363166	LÊ THỊ HỒNG SEN	CD09CA	101	2.20	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
75	09363169	TRẦN THỊ THU SƯƠNG	CD09CA	96	1.98	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		113	3.2
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	1.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
76	09363170	NGUYỄN THỊ SỸ	CD09CA	108	2.16	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
77	07150121	PHẠM THÀNH TÀI	CD09CA	9	0.00	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3			
						200106	Cá c ng.lý CB củ a CN Má cLê nin	5			
						200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						202114	Toá n cao cấ p C1	3			
						202115	Toá n cao cấ p C2	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3			
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1			
						202622	Phá p luậ t đạ i cương	2			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3			
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3			
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2			
						208335	Kế toá n quả n trị	3			
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3			
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2			
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
78	09363182	ĐẶNG THỊ THÁI	CD09CA	101	1.89	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.6
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
79	09363173	VÕ THỊ KIM THANH	CD09CA	112	2.27	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		113	3.2
80	09363175	LÂM THỊ THANH THẢO	CD09CA	104	2.42		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
81	09363177	NGUYỄN MINH THẢO	CD09CA	100	2.19	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		103	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
82	09363178	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	CD09CA	105	2.02	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	2.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
83	09363179	NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO	CD09CA	102	2.17	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
84	09363180	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	CD09CA	100	1.87	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
85	09363184	TRẦN THỊ THẮM	CD09CA	77	1.76	208109	Kinh tế vi mô 1	3		113	
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	2.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.0
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3		111	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
86	09363185	MAI CHIẾN THẮNG	CD09CA	103	2.27	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	1.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.2
88	09363189	TRẦN THỊ MAI THI	CD09CA	97	2.33	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		111	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	3.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
89	09363190	VÕ XUÂN THI	CD09CA	58	1.02	202114	Toá n cao cấ p C1	3		102	2.8
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1		092	
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3		112	
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3		111	1.0
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		103	V
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		111	0.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		111	1.0
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		092	3.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		103	V
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		111	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		111	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	V
						208376	Kế toá n chi phí	3		112	
						213602	Anh vă n 2	5		112	V
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
90	09363192	NGUYỄN THỊ KIM THOA	CD09CA	109	1.85	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
91	09363194	LÊ HOÀNG THƠ	CD09CA	96	2.06	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	2.0
						208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.8
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
92	09363195	TRẦN THỊ THƠ	CD09CA	104	2.35		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
93	09363197	NGUYỄN THỊ THU	CD09CA	102	2.14	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
94	09363277	TRƯƠNG THỊ THU THÙY	CD09CA	97	1.85	208335	Kế toá n quả n trị	3		113	3.8
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
						213602	Anh vă n 2	5		112	3.8
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
95	09363202	ĐINH THỊ LỆ THỦY	CD09CA	108	1.99	208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	2.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
96	09363205	HUỲNH THỊ HỒNG THỦY	CD09CA	92	1.75	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	1.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		111	V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
97	09363199	LƯỜNG THỊ THỦY	CD09CA	105	1.82	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
98	09363210	HOÀNG THỊ THU THÚY	CD09CA	105	2.30		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
99	09363200	VÕ THỊ THU THÚY	CD09CA	95	2.28	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.9
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
100	09363213	LÂM THỊ MINH THƯ	CD09CA	89	1.49	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		112	3.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		102	2.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	2.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.0
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
101	09363214	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	CD09CA	97	2.15	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
102	09363217	PHẠM THỊ THƯƠNG	CD09CA	98	1.91	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		112	3.7
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	2.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
103	09363218	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	CD09CA	90	2.01	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		103	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		102	2.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
104	09363219	THÂN THỊ NGỌC TỈNH	CD09CA	102	1.96	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
105	09363221	BÙI THỊ NGỌC TRANG	CD09CA	103	1.73	200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
106	09363281	ĐẶNG THỊ TRANG	CD09CA	108	2.09	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		113	3.6
107	09363283	NGUYỄN THỊ TRANG	CD09CA	88	1.63	208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		111	1.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
108	09363226	NGUYỄN THỊ BÍCH TRANG	CD09CA	58	1.60	200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	2.5
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3		101	3.0
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		102	1.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		103	V
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		092	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
109	09363228	TRẦN HUYỀN TRANG	CD09CA	101	2.15	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.7
110	09363229	TRẦN THỊ THÙY TRANG	CD09CA	106	2.42	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		113	3.6
111	09363231	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	CD09CA	101	2.19	200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		102	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
112	09363233	TRẦN THỊ HUYỀN TRÂN	CD09CA	106	2.05	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	3.9
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	2.0
113	09363235	LÊ THỊ TUYẾT TRINH	CD09CA	108	2.42	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
114	09363237	NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	CD09CA	15	1.61	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3		092	V
						200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		092	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1		092	
						202622	Phá p luậ t đạ i cương	2			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3			
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2			
						208335	Kế toá n quả n trị	3			
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3		092	V
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2			
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
115	09363239	TỪ THỊ THÙY TRINH	CD09CA	88	1.97	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	V
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
116	09363240	PHẠM THỊ NHƯ TRÚC	CD09CA	93	1.74	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		113	3.8
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	3.0
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
117	09363249	NGUYỄN THỊ TÚ	CD09CA	107	2.24		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
118	09363250	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	CD09CA	106	2.57	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
119	09363282	ĐÀO THỊ CẨM TUYỀN	CD09CA	98	1.75	208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		111	2.0
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
120	09363245	VŨ MỘNG TUYỀN	CD09CA	69	1.24	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3		092	3.0
						200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						202114	Toá n cao cấ p C1	3		091	2.7
						202115	Toá n cao cấ p C2	3		091	3.8
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		101	3.4
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		101	0.1
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2		102	2.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		112	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		102	2.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		111	1.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
121	09363247	VÕ NGỌC ÁNH TUYẾT	CD09CA	95	1.98	200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	2.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
122	09363248	VŨ THỊ TUYẾT	CD09CA	109	2.27	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
123	09363251	ĐẶNG THỊ TƯƠNG	CD09CA	103	2.14	208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
124	09363253	BÙI THỊ TỐ UYÊN	CD09CA	90	1.50	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		103	3.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	1.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
125	09363259	HUỲNH THỊ TUYẾT VÂN	CD09CA	104	2.39	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
126	09363261	PHẠM THỊ MINH VIÊN	CD09CA	15	1.44	200104	Đườ ng lố i CM củ a Đả ng CSVN	3		092	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3		092	V
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1		092	
						202622	Phá p luậ t đạ i cương	2			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3			
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		092	V
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2			
						208335	Kế toá n quả n trị	3			
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3			
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2			
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
127	09363263	HOÀNG THỊ VUI	CD09CA	107	2.44	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
128	09363267	PHẠM THỊ XUÂN	CD09CA	111	2.29	208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
129	08158193	TRẦN THỊ NHƯ Ý	CD09CA	90	1.92	208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3		102	2.0
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		112	3.0
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3		103	3.0
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		111	3.0
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
130	09363269	KỐNG NGỌC YẾN	CD09CA	103	1.77	208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	3.6
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
131	09363270	LÊ HOÀNG YẾN	CD09CA	105	3.32	200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
132	09363271	NGUYỄN THỊ YẾN	CD09CA	26	2.79	200107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						202121	Xá c suấ t thố ng kê	3			
						202622	Phá p luậ t đạ i cương	2			
						208213	Thố ng kê doanh nghiệ p	3			
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3			
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2			
						208335	Kế toá n quả n trị	3			
						208336	Nguyê n lý kế toá n	3			
						208340	Tà i chí nh tiề n tệ	2			
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3			
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2			
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						208452	Phâ n tí ch kinh doanh	2			
						213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
133	09363273	VÕ THỊ PHƯƠNG YẾN	CD09CA	56	1.23	200201	Quâ n sự 1 (lý thuyế t)*	3		092	
						200202	Quâ n sự (thự c hà nh)*	3		092	
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1		092	
						208231	Nguyê n lý thố ng kê kinh tế	3		112	V
						208316	Kế toá n tà i chí nh 1	3		102	1.0
						208318	Kế toá n hà nh chí nh sự nghiệ p	2			
						208327	Nghiệ p vụ thanh toá n	2		111	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208335	Kế toá n quả n trị	3		111	1.0
						208347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	3			
						208348	Kế toá n tà i chí nh 2	3		113	V
						208354	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	3			
						208356	Lý thuyế t kiể m toá n	3			
						208375	Kế toá n thương mạ i, dị ch vụ	2		112	2.9
						208376	Kế toá n chi phí	3			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợ p Nhó m MH bắ t buộ c tự chọ n chưa tí ch lũ y đượ c

Nhóm TC 1: 4 TC (Min)

202621	Xã hội học đại cương	2
208322	Toán tài chính	2
208416	Quản trị học	2
208437	Quản trị văn phòng	2
208453	Marketing căn bản	2

Nhóm TC 2: 8 TC (Min)

208133	Luật tài chính kế toán	2
208305	Tài chính công	2
208328	Số sách chứng từ kế toán	3
208337	Thuế	2
208345	Tín dụng ngân hàng	3
208349	Ngoại ngữ chuyên ngành	3
208454	Quản trị doanh nghiệp	2

Nhóm TC 3: 4 TC (Min)

208372	Kế toán ngân hàng	2
208373	Kế toán xây dựng	2

208374	Kế toán nông nghiệp	2
208425	Thị trường chứng khoán	2
208442	Soạn thảo hợp đồng kinh tế	2
208456	Nghiệp vụ ngoại thương	2

Nhóm TC 4: 6 TC (Min)

208300	Kế toán tài chính 3	3
208326	Thẩm định giá	3
208363	Phân tích báo cáo tài chính	3
208364	Kế toán ứng dụng	3
208907	Khóa luận tốt nghiệp	6

In Ngà y 22/10/12

TP.HCM, Ngà y 22 thá ng 10 nă m 2012
Ngườ i lậ p biể u